

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

A photograph of a modern, multi-story building with a glass facade, reflecting the sky and surrounding environment. The building has a distinctive white tower-like structure on its roof. The image is partially obscured by a blue banner at the bottom.

2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XE KHÁCH SÀI GÒN**

**SAIGON PASSENGER TRANSPORT
JOINT STOCK COMPANY**

✓ 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

☎ 028 38 546 110

🌐 <http://www.saigonbus.com.vn>



MỤC LỤC

01.

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ SAIGONBUS

02.

CHƯƠNG II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

03.

CHƯƠNG III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

04.

CHƯƠNG IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05.

CHƯƠNG V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

06.

CHƯƠNG VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ SAIGONBUS

1 Thông tin khái quát

2 Quá trình hình thành và phát triển

3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và mô hình quản lý

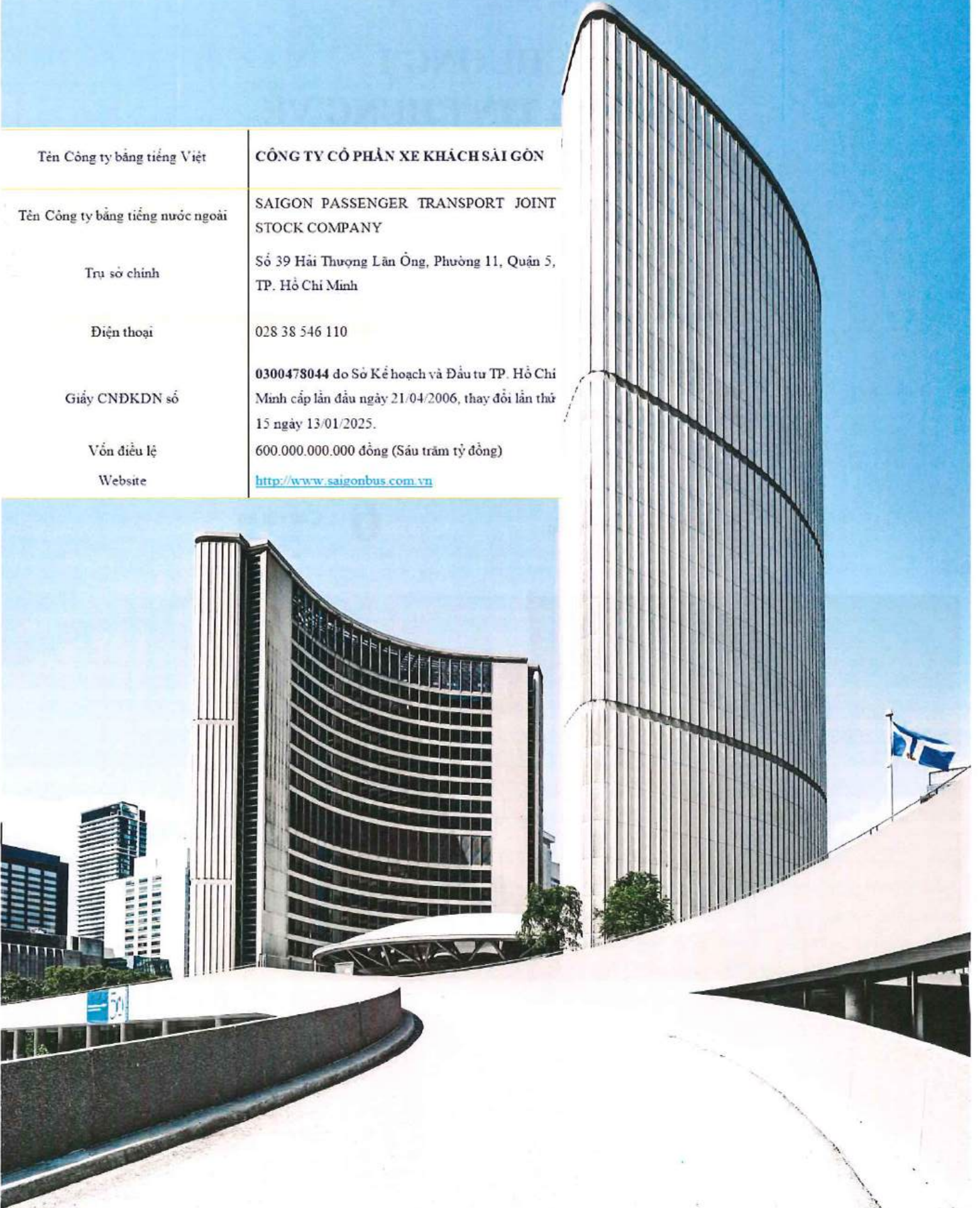
5 Định hướng phát triển

6 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty bằng tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài	SAIGON PASSENGER TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	028 38 546 110
Giấy CNĐKDN số	0300478044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/04/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 13/01/2025.
Vốn điều lệ	600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)
Website	http://www.saigonbus.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1983

Công ty được giao quản lý xe buýt và nhận nhiệm vụ VTHKCC bằng xe buýt

1976

Tiền thân là Công ty Du lịch với nhiệm vụ đưa đón cán bộ đi công tác

1997

Công ty được chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, thực hiện nhiệm vụ chính là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

2004

Công ty trở thành thành viên của Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO) theo mô hình Công ty mẹ - công ty con

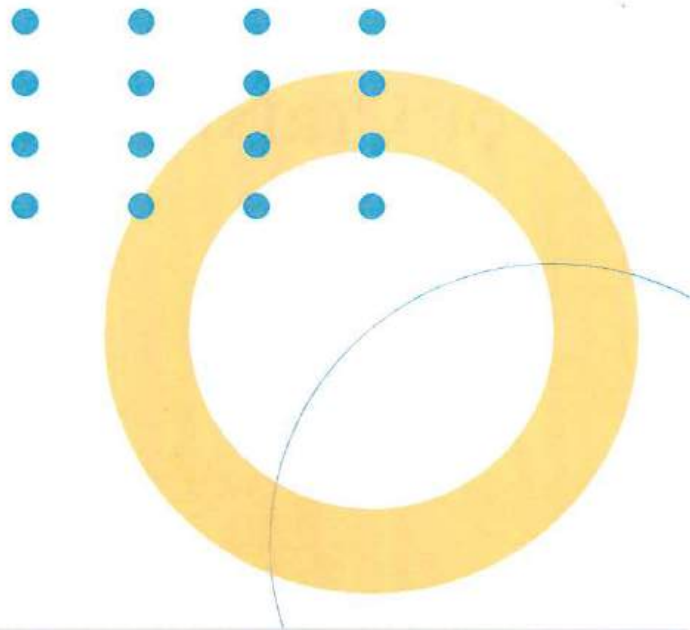
2016 - NAY

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ 600 tỷ đồng.

2006

Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng ô tô; Dịch vụ đưa rước cán bộ công nhân viên, học sinh – sinh viên; Dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Đại lý kinh doanh nhiên liệu; Đào tạo lái xe; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe.

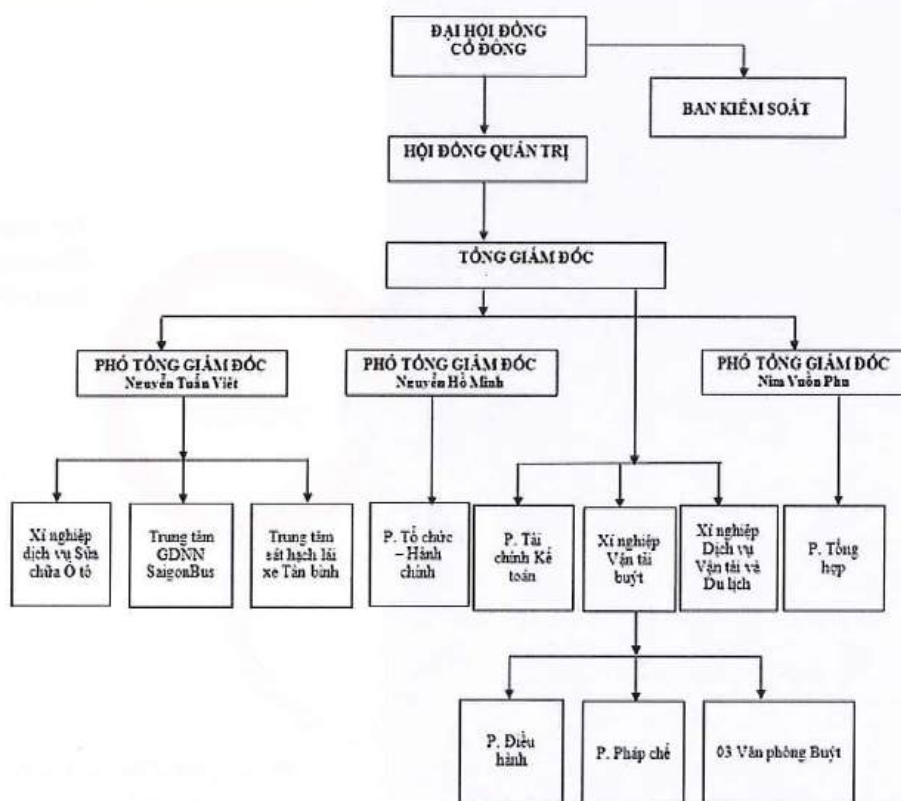
ĐỊA BÀN KINH DOANH: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận



2024

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

1. **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty
2. **Ban kiểm soát (BKS):** 03 người, gồm: 01 Trưởng BKS và 02 kiểm soát viên
3. **Hội đồng quản trị (HĐQT):** 07 người, gồm: 01 Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên HĐQT
4. **Ban điều hành:** 05 người, gồm 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng
5. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.



- Tiếp tục duy trì, củng cố và giữ vững thị phần ngành nghề chính của Công ty là hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh của các hoạt động dịch vụ để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh chính.
- Phát huy thế mạnh thương hiệu và thành quả đã đạt được gần 50 năm hoạt động, Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn quyết tâm thực hiện tốt các giá trị cốt lõi, tiếp tục phát triển, khẳng định thương hiệu và giữ vững thị phần trong lĩnh vực vận tải, mở rộng hoạt động dịch vụ thương mại hỗ trợ, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả cho người lao động.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phục vụ khách hàng, đảm bảo tiêu chí an toàn, đúng giờ, thân thiện và sang trọng.



Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng.

Ưu tiên phát triển, hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ mới nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường từ khói xe, Công ty đã đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch CNG thay thế cho nhiên liệu dầu giúp giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường.

Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội. Dù có những tín hiệu tích cực từ một số nền kinh tế lớn, nhưng bức tranh tổng thể vẫn còn nhiều biến động và khó lường. Áp lực lạm phát toàn cầu có dấu hiệu giảm nhiệt nhờ các chính sách tiền tệ thắt chặt của các ngân hàng trung ương. Các căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là cuộc xung đột Nga-Ukraine, tiếp tục gây ra bất ổn kinh tế toàn cầu, đẩy giá năng lượng và lương thực tăng cao. Mặc dù chịu ảnh hưởng từ những biến động phức tạp của kinh tế thế giới nhưng Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu đáng kể. Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp hiệu quả để kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định thị trường và bảo vệ đời sống người dân; ngày càng chú trọng đến phát triển bền vững, với các chương trình hành động về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng tái tạo. Các biến động kinh tế thế giới, đặc biệt là căng thẳng thương mại và xung đột địa chính trị, vẫn là những rủi ro lớn đối với nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 có nhiều tín hiệu tích cực, các ngành kinh tế chủ lực ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, đặc biệt là ngành dịch vụ. Thành phố đang tập trung đầu tư vào các dự án giao thông trọng điểm nhằm nâng cao năng lực vận tải và giảm ùn tắc; đầu tư nâng cấp hệ thống xe buýt, khuyến khích người dân sử dụng phương tiện công cộng. Đồng thời, năm 2024 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phục hồi của ngành du lịch lý hành. Với việc mở cửa hoàn toàn và các chính sách kích cầu du lịch hiệu quả, ngành du lịch đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ và đạt được những thành tựu đáng kể. Công ty vẫn luôn theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường, nỗ lực, chủ động triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ổn định, phát triển sản xuất - kinh doanh.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Xăng dầu là nguồn nhiên liệu chính của Công ty cho việc vận hành vận tải hành khách. Năm 2024, giá xăng dầu có thể biến động mạnh do nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, cung cầu toàn cầu, và chính sách của các nước sản xuất dầu mỏ. Điều này gây khó khăn cho Công ty trong việc dự báo chi phí và lập kế hoạch kinh doanh.

Khi giá nhiên liệu tăng, chi phí vận hành xe cũng tăng theo, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO CẠNH TRANH

Sự gia tăng của xe máy và ô tô cá nhân khiến nhiều người dân lựa chọn di chuyển bằng phương tiện cá nhân thay vì xe buýt. Sự phát triển của các dịch vụ xe công nghệ đã tạo ra một cuộc cạnh tranh mới trong ngành vận tải hành khách, thu hút lượng lớn người tiêu dùng cùng với những khuyến mãi, quảng cáo. Ngoài ra còn có các doanh nghiệp tổ chức dịch vụ vận tải khác, gây áp lực cho Công ty. Công ty phải luôn đề ra kế hoạch và tầm nhìn cho tương lai; đặc biệt là phát triển ngành kinh doanh cốt lõi của Công ty để nâng cao doanh thu, lên kế hoạch cho việc nâng cấp xe, vật chất trong xe nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các tuyến xe.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, quy định của pháp luật thay đổi cũng là một trong những rủi ro gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động sản xuất của Công ty. Những rủi ro này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng lại gây ra thiệt hại rất lớn về nhân sự cũng như tài sản Công ty. Để giảm thiểu các thiệt hại khi rủi ro bất khả kháng xảy ra, Công ty đã có những phương án dự phòng như: lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, lên các phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ...

RỦI RO PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của SaigonBus chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế. Bên cạnh đó, với tư cách là một Công ty đại chúng quy mô lớn, SaigonBus còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh khung pháp lý chung, SaigonBus còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như Luật Trật tự An toàn giao thông. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật kịp thời dự báo giúp Công ty hoạt động tuân thủ theo quy định pháp luật.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

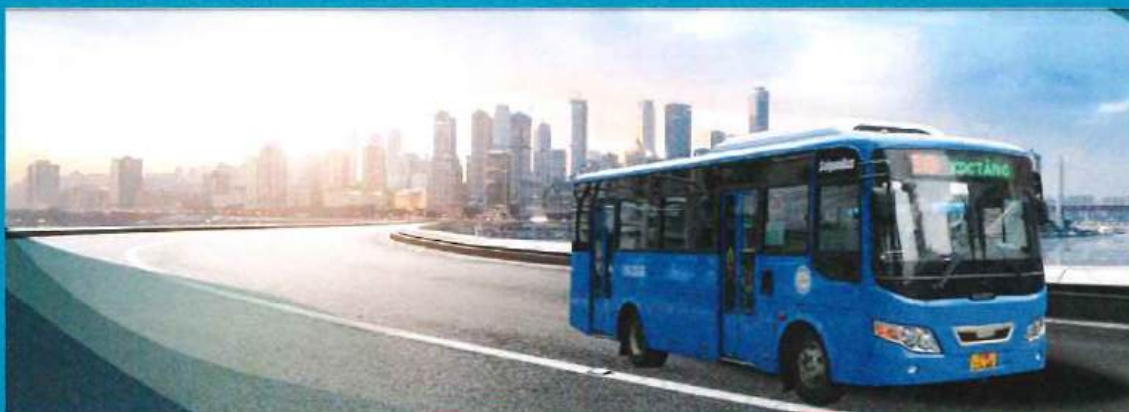
Để góp phần vào công cuộc sống xanh - sạch - đẹp, giảm thiểu lượng khí thải ra môi trường và thực hiện chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải. Công ty đã nâng cấp lên xe buýt CNG, xe buýt điện và đẩy mạnh chất lượng dịch vụ để khuyến khích người dân hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân nhằm đảm bảo việc giảm thiểu khí thải ra môi trường được kiểm soát.



RỦI RO AN TOÀN HUẤT BÔNG VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

SaigonBus luôn chú trọng trong việc cải thiện và nâng cao cách phục vụ, để duy trì được sự thân thiết với khách hàng, đảm bảo được khách hàng có sự hài lòng với cách phục vụ của nhân viên Công ty. Công ty luôn tạo điều kiện để nhân viên có thể tiếp cận đến các khóa học về giao tiếp, sự bình tĩnh trong công việc cũng như giải quyết tình huống khi tình hình có chiều hướng tiêu cực; chú trọng về mức độ an ninh trên từng chuyến xe, đảm bảo các vật tư trang cá nhân của hành khách được an toàn. SaigonBus đã triển khai lắp đặt các phương tiện tiện ích như máy bán vé tự động, loa thông báo, camera trên các xe để nâng cao chất lượng phục vụ. SaigonBus luôn nỗ lực thực hiện đúng theo phương châm "Sự hài lòng của các bạn - Niềm tự hào của chúng tôi". Ngoài ra, SaigonBus cam kết đặt an toàn của hành khách lên trên hết, đảm bảo trải nghiệm dịch vụ an toàn, tin cậy cho mỗi khách hàng.

PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024



1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

3

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

4

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

- Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội. Dù có những tín hiệu tích cực từ một số nền kinh tế lớn, nhưng bức tranh tổng thể vẫn còn nhiều biến động và khó lường. Áp lực lạm phát toàn cầu có dấu hiệu giảm nhiệt nhờ các chính sách tiền tệ thắt chặt của các ngân hàng trung ương. Các căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là cuộc xung đột Nga-Ukraine, tiếp tục gây ra bất ổn kinh tế toàn cầu, đẩy giá năng lượng và lương thực tăng cao.
- Mặc dù chịu ảnh hưởng từ những biến động phức tạp của kinh tế thế giới nhưng Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu đáng kể. Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp hiệu quả để kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định thị trường và bảo vệ đời sống người dân; ngày càng chú trọng đến phát triển bền vững, với các chương trình hành động về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng tái tạo. Các biến động kinh tế thế giới, đặc biệt là căng thẳng thương mại và xung đột địa chính trị, vẫn là những rủi ro lớn đối với nền kinh tế Việt Nam.
- Kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 có nhiều tín hiệu tích cực, các ngành kinh tế chủ lực ghi nhận mức tăng trưởng khá quan, đặc biệt là ngành dịch vụ. Thành phố đang tập trung đầu tư vào các dự án giao thông trọng điểm nhằm nâng cao năng lực vận tải và giảm ùn tắc; đầu tư nâng cấp hệ thống xe buýt, khuyến khích người dân sử dụng phương tiện công cộng. Đồng thời, năm 2024 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phục hồi của ngành du lịch lữ hành. Với việc mở cửa hoàn toàn và các chính sách kích cầu du lịch hiệu quả, ngành du lịch đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ và đạt được những thành tựu đáng kể.
- Trong bối cảnh và tình hình đó, Công ty đã bám sát tình hình thị trường, nỗ lực, chủ động triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phục hồi, phát triển sản xuất – kinh doanh đã giúp cho Công ty đạt được những kết quả khá quan trọng năm 2024, Công ty hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ, chính sách cho người lao động. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	TH 2023 (Trđ)	KH 2024 (Trđ)	TH 2024 (Trđ)	So sánh TH2024/ KH2024 (%)	So sánh TH2024/ TH2023 (%)
Tổng doanh thu	523.271	624.309	633.334	101,45%	121,03%
Tổng chi phí	488.250	585.074	588.463	100,58%	120,52%
Lợi nhuận trước thuế	35.021	39.235	44.871	114,36%	128,13%

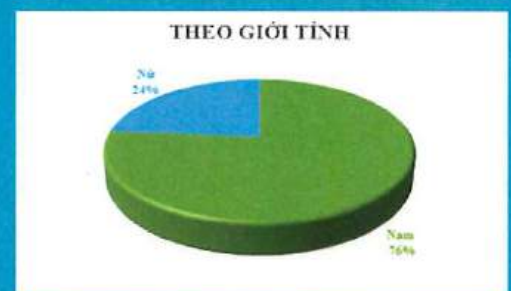
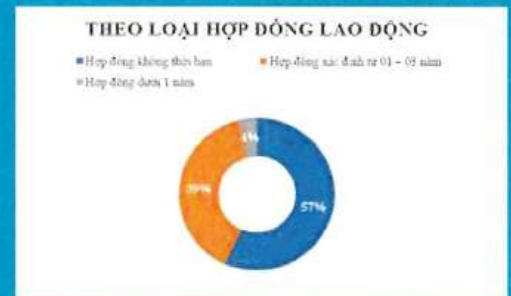
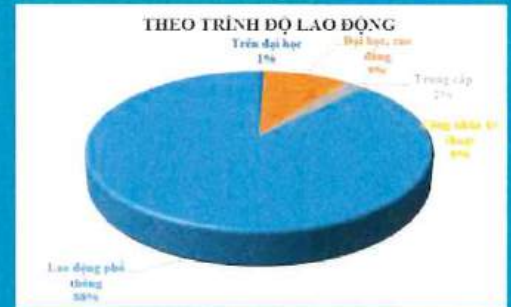


TÌNH HÌNH NHÂN SỰ NĂM 2024

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Tính tại thời điểm ngày 31/12/2024)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	1.024	
1	Trên đại học	6	0,59%
2	Đại học, cao đẳng	96	9,38%
3	Trung cấp	25	2,43%
4	Công nhân kỹ thuật		0,00%
5	Lao động phổ thông	897	87,60%
II	Theo loại hợp đồng lao động	1.024	
1	Hợp đồng không thời hạn	582	56,84%
2	Hợp đồng xác định từ 01 – 03 năm	404	39,45%
3	Hợp đồng dưới 1 năm	38	3,71%
III	Theo giới tính	1.024	
1	Nam	781	76,27%
2	Nữ	243	23,73%



Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động bình quân	1.099	1.009	735	822	850	980
Thu nhập bình quân (Trđ/người/tháng)	11,1	11,6	8,7	12	13,3	15,02

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2010 - 2013: Phó Giám đốc Đầu tư Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV ("Tổng Công ty Samco"); Thư ký HĐQT Tổng Công ty Samco

2013 - 2016: Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Samco; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho; Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV

Cảng Bến Nghé

2016 - 2018: Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Samco; Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây

2018 - 2020: Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Samco; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây

2020 - 06/2021: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Tổng Công ty Samco; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây

06/2021 - nay: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Tổng Công ty Samco; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TRẦN NGỌC DÂN THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1953
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
- 1981 - 1988: Phó Giám đốc Công ty Vật tư Khoa học Kỹ thuật TP.HCM
- 1989 - 1990: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Khu vực II (Petrolimex)
- 1991 - 1992: Phó Giám đốc Công ty Mexico Bộ Công nghiệp Nhẹ
- 1993 - 1999: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lâm Long
- 2000 - 2012: Tổng Giám đốc Công ty City Ford
- 2000 - 2012: Chủ tịch HĐQT Công ty City Ford
- 2006 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cửa Lò Golf Resort
- 2012 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn Tân Thành Đô
- 08/2016 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Ông PHẠM HOÀNG HIỆP THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 09/2004 - 01/2020: Phó Giám đốc tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV
- 01/2010 - 03/2020: Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV
- 04/2020 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Ông NGUYỄN TUẤN VIỆT THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 1986 - 1996: Cán bộ Kỹ thuật - Xưởng sửa chữa ô tô số 2 Công ty Xe Du lịch TP.HCM
- 1996 - 1998: Phó Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn
- 1998 - 2005: Trưởng Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn
- 2005 - 2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
- 2016 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Ông NGUYỄN HỒ MINH THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1967
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 12/1997 - 11/2003: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Điều hành Công ty Xe khách Sài Gòn
- 12/2003 - 07/2004: Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn
- 06/2004 - 12/2004: Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn
- 01/2005 - 07/2009: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
- 06/2009 - 01/2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn kiêm nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải TRHCM
- 01/2011 - 03/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
- 02/2014 - 07/2016: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn
- 08/2016 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Ông TRẦN LÂM THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1983
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
- 2007 - 2010: Giám đốc bán hàng Đại lý City Ford - Tập đoàn Tân Thành Đô
- 2009 - 2010: Tổng Giám đốc Đại lý Ford, Ford Phú Mỹ - Phát triển kinh doanh - Tập đoàn Tân Thành Đô
- 2010 - 2013: Tổng Giám đốc Land Rover Việt Nam
- 2013 - nay: Phó Tổng Giám đốc tập đoàn Tân Thành Đô
- 2015 - nay: Tổng Giám đốc Volkswagen Việt Nam
- 08/2016 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Ông TRẦN LONG THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1989
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
- 05/2015 - 01/2016: Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Ô tô UK
- 02/2016 - 08/2016: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Ô tô Modena
- 09/2016 - 11/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Ô tô Tân Thành Đô
- Từ 2019 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Itaco
- Từ 06/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Ông NGUYỄN QUỐC SOẠN TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh: 1957
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - 03/1978 – 12/1979: Tốt nghiệp Trung học Tài chính được Bộ Tài chính phân công vào TP. Hồ Chí Minh làm công tác đối tiền tại Phường 8, Quận 5, TP.HCM; Hết đợt đối tiền sau đó tiếp tục làm công tác cải tiến thương nghiệp vật tư thuộc Đoàn cải tiến của Bộ Tài chính.
 - 1980 – 1986: Công tác tại Vụ thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.
 - 1987 – 1990: Công tác tại Cục thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.
 - 1990 – 1996: Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam thuộc Bộ Tài Chính.
 - 1997 – 12/2017: Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra Tổng cục Thuế.
 - 01/2018 – 03/2018: Công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô.
 - 09/04/2018 – nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1

Bà TRẦN KIM TUYẾN

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

2004 - 2016: Chuyên viên phòng Kỹ thuật Vật tư - Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn

2016 - 2020: Chuyên viên phòng Kỹ thuật Vật tư - Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

2020 - 2023: Nhân viên văn phòng phòng Tổng hợp - Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

2023 - nay: Nhân viên văn phòng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

04/2024 - nay: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

2

Bà NGUYỄN THỊ TỔ NHƯ

Năm sinh: 1990

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

04/2012 - 05/2015: Nhân viên kinh doanh - Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

06/2015 - nay: Chuyên viên nhân sự phòng Nhân sự - Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH một thành viên

04/2024 - nay: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông PHẠM HOÀNG HIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Số cổ phần sở hữu hiện nay: 0 cổ phần
- Quá trình công tác:
- 09/2004 – 01/2020: Phó Giám đốc tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV
- 01/2010 – 03/2020: Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV.
- 04/2020 – nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Ông NGUYỄN TUẤN VIỆT PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Số cổ phần sở hữu hiện nay: 4.000 cổ phần
- Quá trình công tác:
- 1986 – 1996: Cán bộ Kỹ thuật – Xưởng sửa chữa ô tô số 3 Công ty Xe Du lịch TP.HCM.
- 1996 – 1998: Phó Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 1998 – 2003: Trưởng Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 2003 – 2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 2016 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Ông NGUYỄN HỒ MINH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1967
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh
- Số cổ phần sở hữu hiện nay: 208.800 cổ phần
- Quá trình công tác:
- 12/1997 – 11/2003: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Điều hành Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 12/2003 – 05/2004: Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 06/2004 – 12/2004: Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 01/2005 – 05/2009: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 06/2009 – 01/2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn kiêm nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải TP.HCM.
- 01/2011 – 08/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 02/2014 – 07/2016: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn.
- 08/2016 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Ông NÌM VUỒN PHU PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1966
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số cổ phần sở hữu hiện nay: 0 cổ phần
- Quá trình công tác:
- 1990 – 1992: Cán bộ Kiểm tra Chung, Kiểm sát Thủ hành án - Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Tây Ninh.
- 03/1992 – 08/1992: Cán bộ tư pháp Ngân hàng VCSB.
- 1992 – 1997: Cán bộ Kế toán Công ty May mặc VIECO - HHKSEN.
- 1997 – 2004: Trưởng Phòng Kế toán nội bộ, Trưởng Phòng Xúc tiến Thương mại Công ty NESTLE Việt Nam.
- 2004 – 2007: Giám đốc bán hàng kinh doanh thị Công ty FONTERRA Việt Nam.
- 2007 – 2010: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty tài chính Việt-SOCIETE GENERAL.
- 2010 – 2013: Giám đốc tài chính kinh doanh Công ty Cổ phần NIMO.
- 2013 – 2014: Trưởng Phòng Đầu tư - Tín dụng & Hợp tác Quốc tế Quý Đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu.
- 2014 – 2019: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành DN.
- 19/8/2016 – 09/4/2018: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Xe khách Sài Gòn.
- 01/8/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Bà ĐOÀN THỊ GIAO THUYẾT KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Năm sinh: 1989
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Số cổ phần sở hữu hiện nay: 0 cổ phần
- Quá trình công tác:
- 10/2010-14/09/2016: Nhân viên Kế toán tại phòng Kế toán XN Ô Tô Toyota Bến Thành.
- 15/09/2016 – 30/06/2020: Chuyên viên kế toán phòng Tài chính- Kế toán Tổng công ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV; Thành viên BKS Công ty CP Bến xe Miền Tây; Thành viên BKS Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn; Trưởng Bộ phận Tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn-TNHH MTV.
- 07/2020 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xe khách Sài Gòn.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ ĐÀO TẠO

Thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự thuộc diện quy hoạch. Tổ chức triển khai, phổ biến các nội dung pháp luật nhằm cập nhật kiến thức, nội dung phù hợp với tình hình thực tế, nâng cao nghiệp vụ quản lý dành cho lãnh đạo các cấp tại Công ty.

Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ bên cạnh việc tuân thủ thực hiện các chương trình huấn luyện bắt buộc để người lao động bổ sung kiến thức và vận dụng vào quá trình công tác. Nội dung đào tạo xây dựng phù hợp với đặc thù hoạt động của các đơn vị và đảm bảo cân đối nguồn nhân lực phục vụ cho sản xuất – kinh doanh.

VỀ TUYỂN DỤNG

Tập trung đảm bảo nguồn nhân lực cho sản xuất kinh doanh, Công ty rất chú trọng đến công tác tuyển dụng. Các chính sách tuyển dụng lao động đều được lên kế hoạch rõ ràng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm, bằng cấp và kỹ năng phù hợp cho từng vị nhằm nâng cao chất lượng sản xuất, tăng hiệu suất lao động. Công ty có chính sách tuyển dụng phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty. Việc tuyển dụng được thực hiện theo kế hoạch năm và đột xuất, dựa trên: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; Tình hình thực tế về nhân lực tại các bộ phận; Nhu cầu thay thế lao động thôi việc hoặc hưu trí.

VỀ MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Chế độ làm việc đối với khối văn phòng là 48h/tuần, đối với Bộ phận trực tiếp sản xuất kinh doanh làm việc theo ca. Công ty chú trọng đến môi trường làm việc của người lao động, đảm bảo điều kiện tốt cho người lao động, trang bị đầy đủ đồng phục, các thiết bị bảo hộ...

Ngoài ra, các chế độ nghỉ lễ, nghỉ hằng năm, ốm đau, thai sản cũng được thực hiện phù hợp với đặc điểm của từng bộ phận, đúng quy định của Pháp luật.

Thực hiện việc huấn luyện về ATVSLĐ theo quy định. Định kỳ kiểm tra và đề xuất cải thiện điều kiện làm việc, phòng ngừa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc tại các đơn vị trực tiếp.

VỀ LƯƠNG, THUỞNG, PHÚC LỢI, DÃI NGỘ

Công ty xây dựng mức lương dựa theo trình độ, cấp bậc, ... của nhân viên, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người. Công ty luôn tuân thủ đúng quy định của Pháp luật về quyền và lợi ích của người lao động.

Người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định.

Áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ, làm việc lâu dài tại Công ty. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Công ty cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể người lao động một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Bên cạnh việc chi trả tiền lương, tiền thưởng Công ty còn chi trả thêm các khoản hỗ trợ như: hỗ trợ tiền xăng xe, điện thoại, quà tặng sinh nhật - hiếu hỷ - ma chay, các chuyến du lịch hàng năm, chương trình teambuilding, khám sức khỏe định kỳ.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

- Đối với hoạt động xe buýt chỉ thực hiện đầu tư khi trúng thầu các gói thầu xe buýt.
- Đối với xe kinh doanh dịch vụ chỉ thực hiện đầu tư khi có nhu cầu của khách hàng hoặc trúng thầu.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



**Kết quả hoạt động kinh doanh
năm 2024:**

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	TH 2024	%TH2024/TH2023
Tổng tài sản	Trđ	513.529	557.412	108,55%
Doanh thu thuần	Trđ	515.211	627.513	121,80%
Lợi nhuận từ HĐKD	Trđ	32.522	44.293	136,19%
Lợi nhuận khác	Trđ	2.498	578	23,14%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	35.021	44.871	128,13%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	35.021	44.871	128,13%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	TH 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,53
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,17	1,49
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	35,52	32,54
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,07	48,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,80	7,15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	10,58	11,93
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,82	8,05

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh năm 2024 lần lượt ở mức 1,53 lần và 1,49 lần, cao hơn so với năm 2023 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty tốt hơn năm 2023.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt là 32,54% và 48,24%. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của SaigonBus năm 2024 cho thấy Công ty đang kiểm soát cơ cấu Nợ thấp hơn Vốn chủ sở hữu nhằm duy trì cấu trúc tài chính ổn định, hạn chế rủi ro tài chính

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2024 tốt hơn so với năm trước cho thấy sự nỗ lực, quyết tâm của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn so với năm trước.

THÔNG TIN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG



Năm 2016: Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn được Sở GD&ĐT Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu BSG chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM vào ngày 21/12/2016.



Mã chứng khoán: **BSG**



Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2024):

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông nhà nước, cổ đông lớn ($\geq 5\%$):		
- Cổ đông Nhà nước	29.400.000	49,00%
- Cổ đông lớn	27.927.400	46,55%
Cổ đông khác (<5%)	2.672.600	4,45%



Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV	29.400.000	49,00%
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	14.427.400	24,05%
Phạm Anh Hưng	9.000.000	15,00%
Nguyễn Văn Thành	4.500.000	7,50%



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





VỀ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách công cộng, đây là lĩnh vực có ảnh hưởng đến hoạt động bảo vệ môi trường. Nhận thức được điều này, giảm thiểu tối đa tác nhân gây hại đến môi trường như khí thải, khói bụi từ phương tiện là một điều cần thiết. Công ty đã và đang phối hợp với Công ty cổ phần Khí Miền Nam (Gas South) về việc sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường, luôn cập nhật các nghiên cứu khoa học công nghệ để ứng dụng vào hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ và duy trì môi trường trong lành.

Công ty luôn có kế hoạch sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu lượng năng lượng thải ra môi trường thông qua việc thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị, đầu tư phương tiện mới thay thế.

Từ năm 2011, SaigonBus là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải công cộng đi tiên phong trong vấn đề sử dụng phương tiện vận tải “xanh” để bảo vệ môi trường. Cho đến nay, Công ty vẫn duy trì và phát triển hệ thống xe buýt sử dụng nhiên liệu CNG thân thiện với môi trường. Từ năm 2019 đến nay, Công ty tiếp tục đầu tư xe buýt CNG vào hoạt động trên các tuyến xe buýt.

Thanh lý các phương tiện thiết bị cũ kỹ lạc hậu, có mức tiêu hao năng lượng cao bằng các phương tiện hiện đại và tiên tiến hơn đảm bảo: tiêu chuẩn khí thải quy định và mức tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng điện ít hơn.

Quản lý các yếu tố tác động đến môi trường cũng giúp Công ty tạo được một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe cũng điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan; đặc biệt là người lao động, những người chịu tác động và rủi ro trực tiếp từ môi trường xung quanh.

MỤC TIÊU VÀ HÀNH ĐỘNG

Biến đổi khí hậu với các hiện tượng như tăng nhiệt độ, tăng mực nước biển, tan băng, thay đổi các dòng hải lưu và các hiện tượng thời tiết cực đoan... đang từng ngày đe dọa đến sức khỏe con người. Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Công ty tuân thủ chính sách môi trường của nhà nước nơi Công ty hoạt động, cam kết giảm thiểu các tác động môi trường do các hoạt động của Công ty với mục đích ngăn ngừa ô nhiễm, tuân thủ pháp luật, các yêu cầu khác và cố gắng nỗ lực cho các hoạt động cải thiện môi trường trong công ty và cho toàn cộng đồng.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2024, số lượng lao động bình quân của SaigonBus là 980 người, thu nhập bình quân đạt 15,02 triệu đồng/người/tháng. SaigonBus đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động tại địa bàn TP. Hồ Chí Minh nói riêng và người lao động cả nước nói chung. Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên làm việc tích cực, qua đó phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để tạo ra một đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt công việc và đảm bảo được mục tiêu mà Công ty đưa ra. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm và tạo điều kiện thu nhập sau dịch bệnh cho người lao động của Công ty là điều kiện cho sự phát triển bền vững, lâu dài của doanh nghiệp.



ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Đối với khách hàng: Với mong muốn mang đến sự phục vụ tuyệt vời nhất, Công ty không ngừng đổi mới và cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu.

Đối với cộng đồng: An toàn giao thông luôn là mục tiêu đặt lên hàng đầu của Công ty khi hoạt động trong lĩnh vực vận tải. Do đó, Công ty thường xuyên tập huấn và rèn luyện kỹ năng cho các tài xế nhằm nâng cao tay nghề, đảm bảo được ý thức sự an toàn của hành khách và mọi người tham gia giao thông là trên hết. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên quan tâm đến các vấn đề cộng đồng, kịp thời hỗ trợ cho các trường hợp khó khăn, neo đơn tại địa phương để góp phần thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Trong năm 2024, các đơn vị trực thuộc Công ty không vi phạm các quy định, luật pháp về môi trường và tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường trong năm là 0 đồng.



Công ty đảm bảo mọi nhân viên thực hiện các công việc của Công ty có khả năng gây ra (các) tác động đáng kể lên môi trường mà Công ty xác định được đều phải có đủ năng lực trên cơ sở đào tạo hoặc kinh nghiệm thích hợp, và có duy trì các hồ sơ liên quan Công ty thiết lập, thực hiện và duy trì một thủ tục để giám sát và đo lường trên cơ sở các đặc trưng chủ chốt của các hoạt động của mình có thể có tác động đáng kể lên môi trường.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh việc sử dụng các nguồn năng lượng được Công ty chủ động theo dõi đánh giá tác động của chúng đến môi trường nhằm kiểm soát được chi phí hoạt động vừa thực hiện được các mục tiêu đã cam kết đối với môi trường xã hội. Ngoài ra, trong những kế hoạch hoạt động của mình, SaigonBus luôn chú ý đến việc tiêu thụ các nguồn năng lượng này nhằm có sự tính toán đúng đắn cho các chi phí hoạt động từ đó góp phần tích cực trong việc nâng cao kết quả kinh doanh, bảo tồn và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên quốc gia. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định liên quan đến môi trường hiện nay.

2024

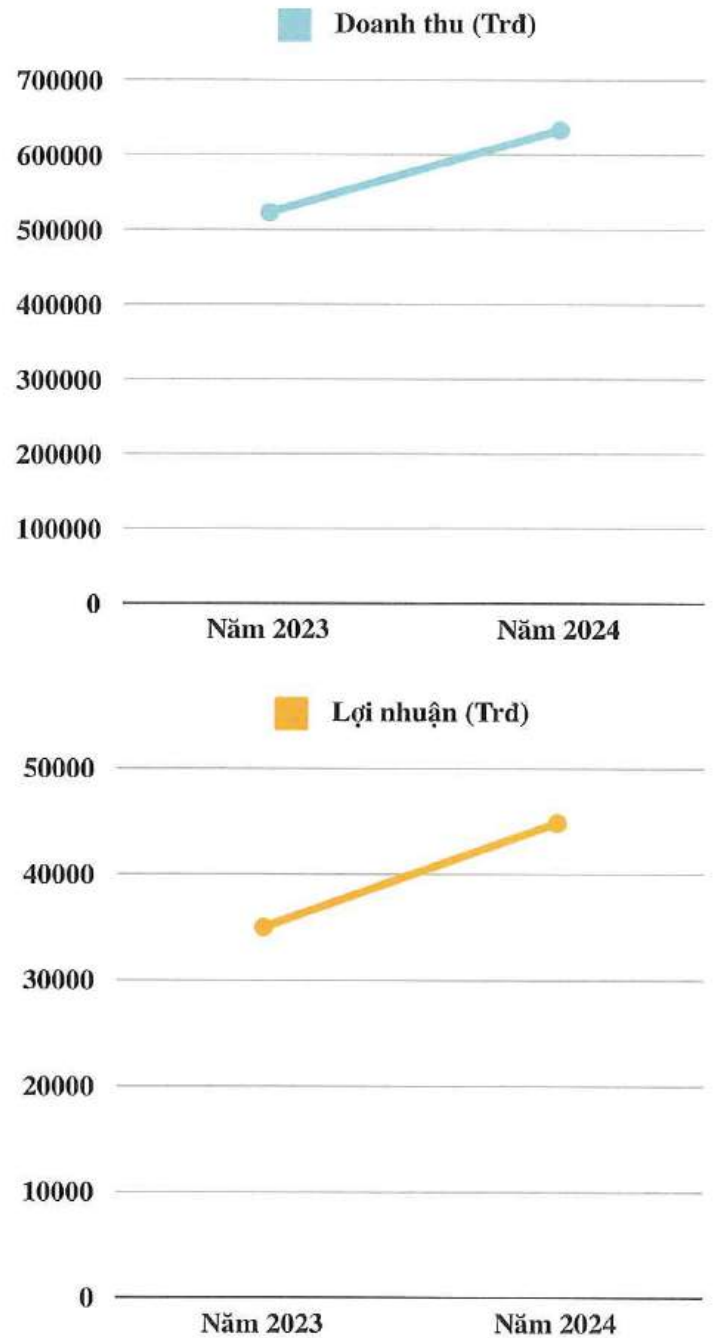
CHƯƠNG III BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024, hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan: giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào biến động liên tục; mức độ sử dụng phương tiện công cộng và thói quen di chuyển của người dân cũng ảnh hưởng đến lượng khách hàng và doanh thu. Bên cạnh đó, đối thủ cạnh tranh xuất hiện ngày càng nhiều với tiềm lực tài chính mạnh mẽ, làm cho sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành trở nên gay gắt hơn, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Trước những khó khăn đó, Công ty đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cổ đông và người lao động.

Năm 2024, doanh thu của Công ty đạt 633.334 triệu đồng, thực hiện được 101,45% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 44.871 triệu đồng, hoàn thành 114,36% kế hoạch. Đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế năm 2024 đầy biến động.





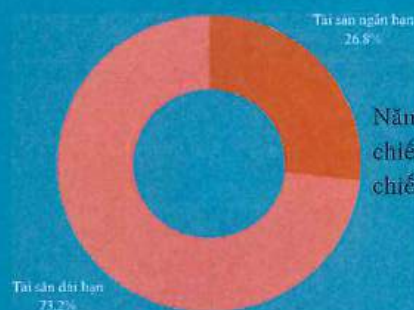
Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2023 (Trđ)	Năm 2024 (Trđ)	%tăng giảm 2024/2023
Tài sản ngắn hạn	185.434	220.171	118,73%
Tài sản dài hạn	328.096	337.241	102,79%
Tổng tài sản	513.529	557.412	108,55%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

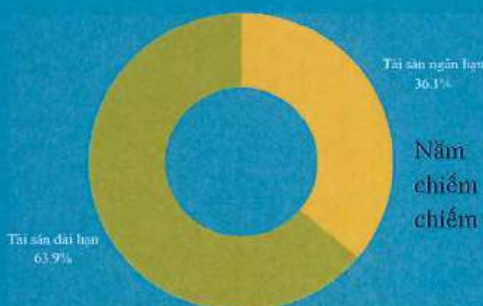
Tổng tài sản của SaigonBus trong năm 2024 tăng từ 513.529 triệu đồng lên 557.412 triệu đồng, tương đương tăng 8,55% so với năm 2023. Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng tăng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao giúp doanh nghiệp dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt khi cần thiết.

Tính đến cuối năm 2024, tài sản dài hạn của Công ty là 337.241 triệu đồng, tăng 2,8% so với năm 2023. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu tập trung tại khoản mục tài sản cố định chiếm 96,84% tổng tài sản dài hạn.



Năm 2024

Năm 2024, tài sản ngắn hạn chiếm 39,5% và tài sản dài hạn chiếm 60,5% tổng tài sản



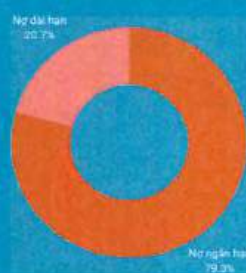
Năm 2023

Năm 2023, tài sản ngắn hạn chiếm 36,1% và tài sản dài hạn chiếm 63,9% tổng tài sản



Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%tăng giảm 2024/2023
Nợ ngắn hạn	152.587	143.792	94,24%
Nợ dài hạn	29.790	37.597	126,21%
Nợ phải trả	182.377	181.390	99,46%



Năm 2024

Năm 2024, nợ ngắn hạn chiếm 79,3% và nợ dài hạn chiếm 20,7% tổng nợ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

Tính đến ngày 31/12/2024, Nợ ngắn hạn của Công ty đạt 143.792 triệu đồng giảm 6% so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ trọng nợ ngắn hạn của công ty chiếm 79,3% trong tổng nợ.



Năm 2023

Năm 2023, nợ ngắn hạn chiếm 83,7% và nợ dài hạn chiếm 16,3% tổng nợ



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cơ chế quản lý của Công ty năng động, linh hoạt hơn, bộ máy quản lý của Công ty được bố trí tinh giản, gọn nhẹ. Định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng vị trí công việc để tránh sự chồng chéo và nâng cao năng suất làm việc. Áp dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, tự động hóa quy trình làm việc, hoặc phần mềm quản lý để tối ưu hóa hiệu suất làm việc. Tạo điều kiện cho nhân viên học hỏi và phát triển kỹ năng mới thông qua các chương trình đào tạo và huấn luyện. Điều chỉnh cơ cấu tổ chức linh hoạt để có thể phản ứng nhanh chóng với những thay đổi của thị trường và nhu cầu của khách hàng.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Công ty đến toàn thể người lao động và các đối tác. Việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành luôn được sự ủng hộ và thống nhất cao của tập thể người lao động Công ty. Xây dựng các chính sách tiết kiệm chi phí, kế hoạch kinh doanh chi tiết, cụ thể đảm bảo phương hướng đúng với nghị quyết do Hội đồng Quản trị đề ra.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dự báo tình hình:

- Năm 2025, kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Các yếu tố như biến động địa chính trị, biến đổi khí hậu và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng nhận định rằng, với sự phục hồi mạnh mẽ của lĩnh vực thương mại và đầu tư, kinh tế toàn cầu có thể đạt mức tăng trưởng ổn định.

- Với tư duy đổi mới, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, giải pháp đột phá, cách làm hiệu quả, tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả Việt Nam sẽ nỗ lực tối đa, tạo những yếu tố đột phá thu hút đầu tư, thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất kinh doanh, phấn đấu đạt mức tăng trưởng ít nhất 8% hoặc phấn đấu cao hơn trong điều kiện thuận lợi; trên cơ sở đó tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số từ năm 2026.

- Kinh tế TP. Hồ Chí Minh được dự báo sẽ tiếp tục đà hồi phục nhờ vào tăng trưởng của ngành dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Tuy nhiên, Thành phố đang còn phải đối mặt với nhiều thách thức nội tại trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng để bước sang một kỷ nguyên mới với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Thành phố sẽ tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài, nỗ lực áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, bao gồm việc giảm thiểu ô nhiễm và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo.

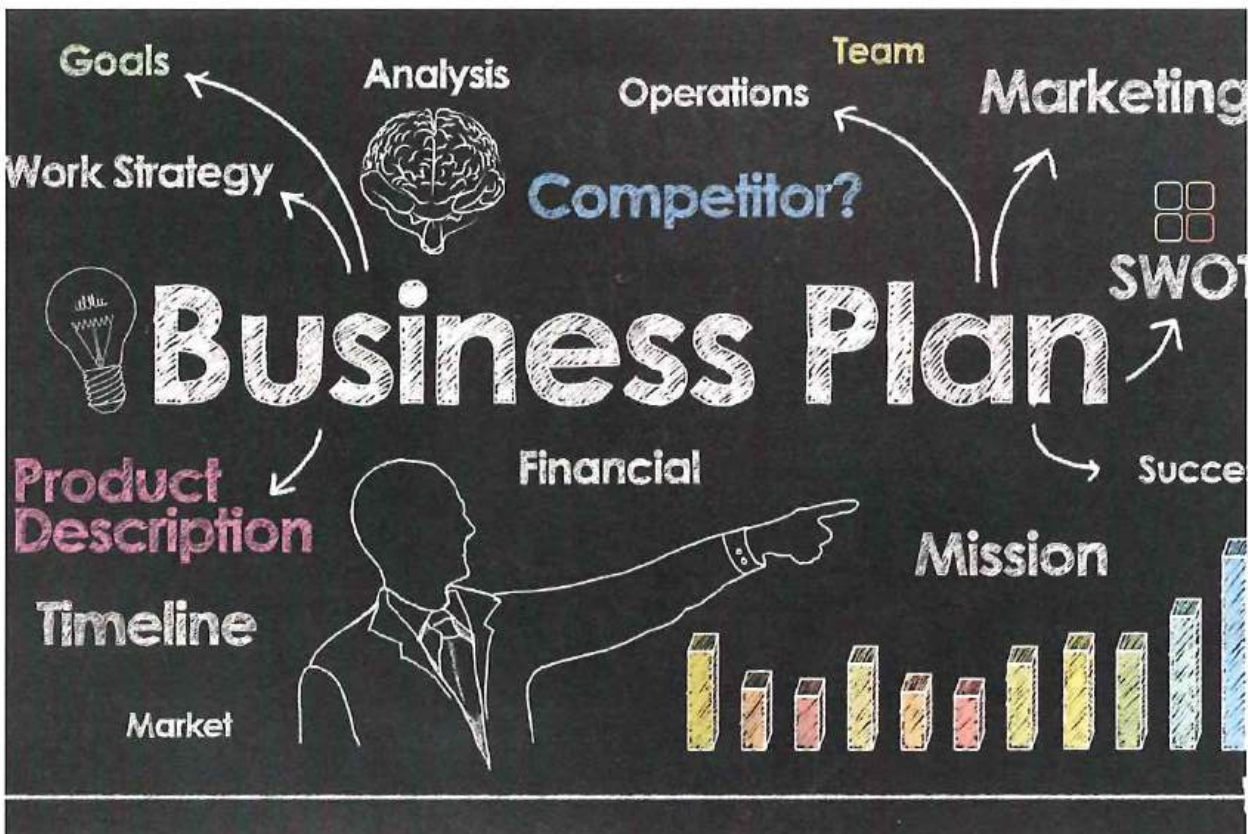
Chỉ tiêu năm 2025

Doanh thu: 562.610 triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế: 16.369 triệu đồng

Nhiệm vụ trọng tâm:

- Chủ động xây dựng các phương án phù hợp với đề án chuyển đổi xe buýt sử dụng năng lượng xanh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm giữ vững và mở rộng thị phần hoạt động vận tải hành khách công cộng.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh: bến bãi, nhà để xe, dịch vụ cho thuê xe, trạm sạc, sửa chữa xe điện, đại lý ký gửi mua bán ô tô. Khai thác hiệu quả các cơ sở vật chất hiện có.
- Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng trực tuyến để khai thác tối đa nguồn khách hàng nhằm mở rộng, phát triển hoạt động dịch vụ cho thuê xe, hoạt động du lịch và hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe.
- Tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh của chi nhánh Công ty tại Hà Nội.
- Đầu tư, đổi mới phương tiện và cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất.
- Đẩy mạnh việc phân cấp ủy quyền cho Giám đốc, Trưởng các đơn vị trực thuộc nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong điều hành hoạt động của đơn vị. Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đảm bảo nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và điều hành.
- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý tại các khu đất của Công ty; Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Công ty.



Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn và đưa ra ý kiến như sau:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý; trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh: Doanh thu dịch vụ và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tương ứng của Công ty với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về trợ giá xe buýt mới được quyết toán đến hết năm 2013 và các năm 2017, 2018, 2019. Doanh thu trợ giá này được ghi nhận dựa trên đơn giá quy định trong hợp đồng đặt hàng đã ký với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 19/8/2016. Tại ngày lập Báo cáo, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND TP.HCM về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần. Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Công ty. Các điều chỉnh có liên quan, nếu có sẽ được Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

2024

CHƯƠNG IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

- Đảm bảo ổn định dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thành lập chi nhánh Công ty tại Hà Nội để phát triển hoạt động dịch vụ xe buýt, hoạt động cho thuê xe và hoạt động du lịch ở các tỉnh phía Bắc, trọng tâm tại Hà Nội.
- Thực hiện tốt việc tìm kiếm, khai thác khách hàng cho các hoạt động dịch vụ của Công ty thông qua việc đẩy mạnh công tác marketing, giới thiệu dịch vụ trên các nền tảng trực tuyến, hoàn thiện website của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Thay thế hệ thống bán vé tạo điều kiện thuận lợi trong công tác nghiệm thu và phù hợp với xu hướng "không dùng tiền mặt", lệnh vận chuyển điện tử.
- Thay đổi nhận diện mới đối với các phương tiện, nâng cao chất lượng đoàn phương tiện nhằm tạo thương hiệu SaigonBus.
- Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tại các địa điểm kinh doanh của Công ty.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Nội quy lao động Công ty, Thỏa ước lao động tập thể, các quy chế, quy định của Công ty.
- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho lái xe và nhân viên phục vụ xe buýt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, theo dõi liên quan về ATVSLD, PCCC, an ninh trật tự tại các địa điểm kinh doanh của Công ty.
- Công tác chăm lo cho người lao động vào các dịp lễ, Tết và các chế độ của người lao động luôn được Công ty quan tâm, thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

NHỮNG MẶT HẠN CHẾ

- Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty đã có sự phục hồi nhưng lỗ lũy kế của Công ty vẫn còn lớn nên gây khó khăn lớn trong việc đầu tư, mở rộng các hoạt động kinh doanh dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Phần lớn phương tiện của Công ty đã hoạt động trên 5 – 10 năm nên thường xuyên bị hư hỏng gây ảnh hưởng đến công tác vận hành trên tuyến cũng như chất lượng dịch vụ.
- Việc tuyển dụng số lượng lao động trực tiếp như nhân viên lái xe, công nhân thợ đáp ứng được yêu cầu về bằng cấp, đồng thời sự cạnh tranh tuyển dụng giữa các đơn vị vận tải ngày càng cao làm cho công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn.
- Các vướng mắc liên quan đến hồ sơ pháp lý của các khu đất của Công ty quản lý vẫn chưa được giải quyết.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hiện có 03/07 thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, cụ thể:

- Tổng Giám đốc đã chủ động phân công và giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực cụ thể. Ngoài vai trò điều hành chung, Tổng Giám đốc đã xây dựng cơ chế làm việc tập thể tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong Ban điều hành phát huy được hết chuyên môn, năng lực, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đóng góp vào việc nâng cao năng suất công việc; điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.
- Nhìn chung, tập thể Ban điều hành Công ty đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.

The logo for SaigonBus, featuring the word "SaigonBus" in a stylized, italicized font. The "S" is large and white, while "aigonBus" is in a smaller, blue font. The logo is positioned at the bottom left of the page, partially overlapping the image of the building.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

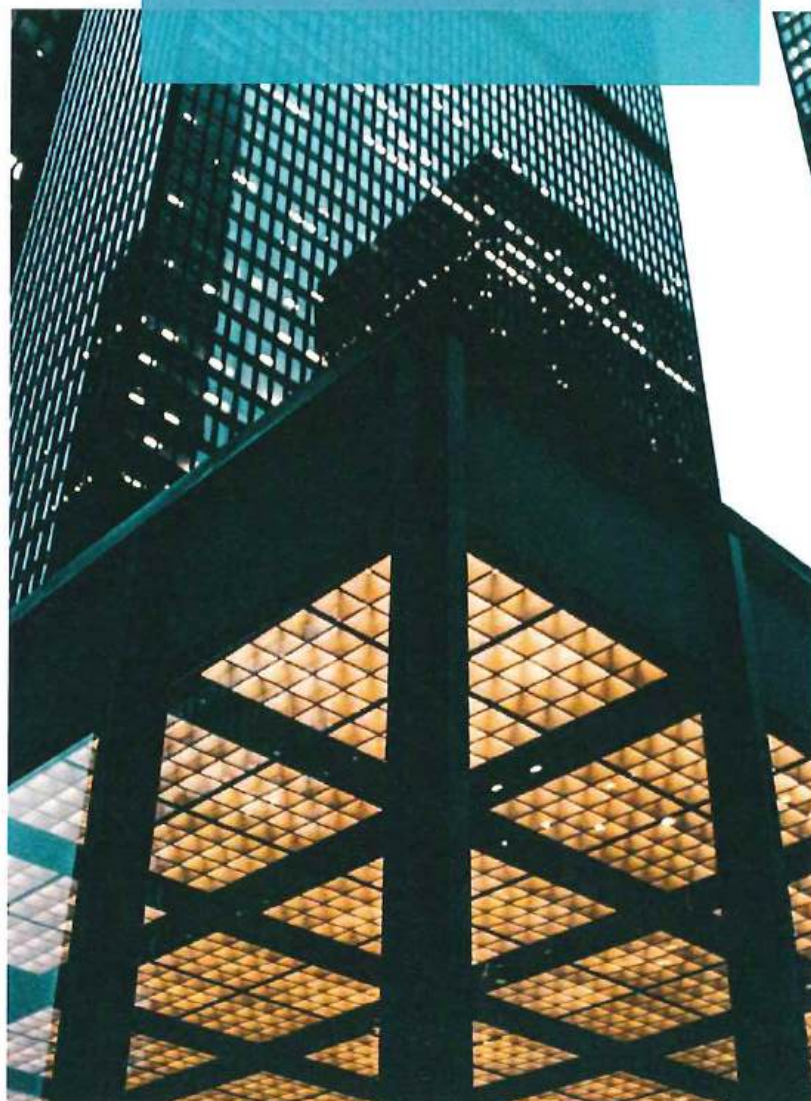
- Chủ động xây dựng các phương án phù hợp với đề án chuyển đổi xe buýt sử dụng năng lượng xanh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm giữ vững và mở rộng thị phần hoạt động vận tải hành khách công cộng.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh: bến bãi, nhà để xe, dịch vụ cho thuê xe, trạm sạc, sửa chữa xe điện, đại lý ký gửi mua bán ô tô. Khai thác hiệu quả các cơ sở vật chất hiện có.
- Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng trực tuyến để khai thác tối đa nguồn khách hàng nhằm mở rộng, phát triển hoạt động dịch vụ cho thuê xe, hoạt động du lịch và hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe.
- Tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh của chi nhánh Công ty tại Hà Nội.
- Đầu tư, đổi mới phương tiện và cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất.
- Đẩy mạnh việc phân cấp ủy quyền cho Giám đốc, Trưởng các đơn vị trực thuộc nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong điều hành hoạt động của đơn vị. Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đảm bảo nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và điều hành.
- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý tại các khu đất của Công ty; Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty.

CHƯƠNG V QUẢN TRỊ CÔNG TY

01 Hội đồng quản trị

02 Ban kiểm soát

03 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT THAY ĐỔI TRONG NĂM 2024: KHÔNG CÓ
- CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT: KHÔNG CÓ
- HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra đề ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời. Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.



CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

- Các cuộc họp HĐQT biên bản được lập đầy đủ chữ ký của thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo quy định của Điều lệ. Do vậy, các nội dung được HĐQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao.

- Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết, thể hiện tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 04 Quyết định và 07 Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (Không có).

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT/SGB	28/02/2024	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
2	02/NQ-HĐQT/SGB	11/3/2024	Kế hoạch vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh năm 2024	100%
3	03/NQ-HĐQT/SGB	11/3/2024	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	100%
4	04/QĐ-HĐQT/SGB	11/3/2024	Về việc không thực hiện Quyết định số 28/QĐ-HĐQT/SGB ngày 27 tháng 11 năm 2020 của HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
5	05/NQ-HĐQT/SGB	03/4/2024	Về việc thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
6	06/NQ-HĐQT/SGB	15/4/2024	Về việc thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
7	07/NQ-HĐQT/SGB	29/5/2024	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
8	08/QĐ-HĐQT/SGB	27/8/2024	Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
9	09/NQ-HĐQT/SGB	23/9/2024	Về việc thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
10	10/QĐ-HĐQT/SGB	25/9/2024	Về việc điều chỉnh loại chứng khoán	100%
11	11/NQ-HĐQT/SGB	31/12/2024	Về việc phân phối quỹ thù lao bổ sung của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%



BAN KIỂM SOÁT

DÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM:

- Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra các ý kiến đối với chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty. Đồng thời, Ban điều hành Công ty tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Ban Kiểm soát cũng nhận được đầy đủ các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quốc Soạn	04/04	100%	100%	
2	Bà Trần Thị Ngọc Dung	01/04	25%	100%	(*)
3	Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	01/04	25%	100%	(*)
4	Bà Nguyễn Thị Tô Như	03/04	75%	100%	(**)
5	Bà Trần Kim Tuyền	03/04	75%	100%	(**)

(*): Bà Trần Thị Ngọc Dung và bà Vũ Thị Hồng Cẩm không còn là thành viên BKS từ ngày 25/4/2024.

(**): Bà Nguyễn Thị Tô Như và bà Trần Kim Tuyền bắt đầu là thành viên BKS từ ngày 25/4/2024.

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024:

Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	0	0%		25/4/2024
Bà Nguyễn Thị Tô Như	Thành viên	0	0%	25/4/2024	
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	0	0%		25/4/2024
Bà Trần Kim Tuyền	Thành viên	2.100	0,004%	25/4/2024	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, kế hoạch quỹ lương, thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty đã được thông qua tại Đại hội như sau:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức thù lao/tháng (Trđ)	Kế hoạch quỹ thù lao năm 2024 (Trđ)
Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	8	96
2	Thành viên HĐQT	6	6	432
Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS	1	25	300
2	Thành viên BKS	2	5	120
Ban Điều hành		5		3.800

- Quỹ thù lao bổ sung cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Bổ sung thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu Công ty đạt hoặc vượt mức lợi nhuận kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quỹ thù lao bổ sung được ghi nhận vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024. Mức bổ sung là 01% lợi nhuận đạt kế hoạch và 05% phần lợi nhuận vượt kế hoạch. Giao Hội đồng quản trị Công ty quyết định hệ số phân phối Quỹ thù lao bổ sung giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thù lao của HĐQT thực hiện năm 2024 (bao gồm quỹ thù lao bổ sung):

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (Trđ)
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	176
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	192
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	132
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	132
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	132
Ông Trần Lâm	Thành viên	132
Ông Trần Long	Thành viên	132
Tổng cộng		1.028

Lương, thù lao của BKS thực hiện năm 2024 (bao gồm quỹ thù lao bổ sung):

Họ và tên	Chức danh	Giá trị (Trđ)
Ông Nguyễn Quốc Soan	Trưởng BKS	370
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Nguyên Thành viên BKS	15
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Nguyên Thành viên BKS	15
Bà Nguyễn Thị Tố Như	Thành viên BKS	75
Bà Trần Kim Tuyền	Thành viên BKS	75
Tổng cộng		550

📄 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Lương của Ban điều hành thực hiện năm 2024:

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (Trđ)
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc	948,5
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	731
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	731
Ông Nim Vườn Phú	Phó Tổng Giám đốc	731
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Kế toán trưởng	658,5
Tổng cộng		3.800

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01

Bảng cân đối kế toán

02

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

03

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

04

Thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13/01/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 thay đổi lần thứ 15 ngày 13/01/2025 là 600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên
Ông Trần Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên
Ông Trần Long	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Tố Như	Thành viên	(Bầu từ ngày 25/4/2024)
Bà Trần Kim Tuyền	Thành viên	(Bầu từ ngày 25/4/2024)

Ban Điều hành

Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nim Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Lê Thị Mỹ Hạnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Số: 80/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được lập ngày 03/03/2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.3 và 6.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, doanh thu dịch vụ và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tương ứng của Công ty với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt mới được quyết toán đơn giá đến hết năm 2013 và các năm 2017, 2018, 2019. Doanh thu trợ giá này được ghi nhận dựa trên đơn giá quy định trong hợp đồng đặt hàng đã ký với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả các vấn đề như sau: Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ 19/08/2016. Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần của Công ty theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần. Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Công ty. Các điều chỉnh có liên quan, nếu có, sẽ được Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		220.171.443.373	186.310.671.723
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	111.262.456.296	49.959.745.159
1. Tiền	111		14.262.456.296	4.959.745.159
2. Các khoản tương đương tiền	112		97.000.000.000	45.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.725.616.438	58.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.725.616.438	58.500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.525.626.106	70.269.505.790
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	58.242.181.938	43.504.226.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		470.853.801	783.900.421
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	28.115.136.433	31.259.185.315
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(5.302.546.066)	(5.277.806.733)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	5.435.599.160	5.494.107.948
1. Hàng tồn kho	141		5.435.599.160	5.494.107.948
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.222.145.373	2.087.312.826
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	189.664.060	173.655.248
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	1.032.481.313	1.913.657.578
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+230+240+250+260)	200		337.240.766.884	328.095.668.457
II Tài sản cố định	220		326.570.905.442	316.578.572.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	324.758.162.387	315.467.795.958
- Nguyên giá	222		1.002.817.514.912	921.560.596.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(678.059.352.525)	(606.092.800.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.812.743.055	1.110.776.142
- Nguyên giá	228		3.709.271.250	2.779.541.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.896.528.195)	(1.668.765.108)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		664.083.636	664.083.636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	664.083.636	664.083.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		10.005.777.806	10.853.012.721
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	10.005.777.806	10.853.012.721
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		557.412.210.257	514.406.340.180

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

		31/12/2024		31/12/2024
		VND		VND
NGUỒN VỐN				(Trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ	300	181.389.719.642		183.254.467.843
(300 = 310+330)				
I- Nợ ngắn hạn	310	143.792.429.942		153.464.240.383
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.11	70.418.124.569		84.576.391.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.037.057.086		1.044.868.721
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.12	3.752.156.535		4.247.240.838
4. Phải trả người lao động	314	29.639.158.445		28.836.095.282
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.13	24.196.222.916		21.744.671.220
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	10.841.772.002		520.266.137
7. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.14	1.463.405.531		1.558.383.773
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.15	-		9.371.689.655
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	2.430.377.218		1.550.477.820
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	14.155.640		14.155.640
II- Nợ dài hạn	330	37.597.289.700		29.790.227.460
1. Phải trả người bán dài hạn	331 5.11	34.900.000.000		26.410.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337 5.14	2.697.289.700		1.445.527.460
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.15	-		1.934.700.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	376.022.490.615		331.151.872.337
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410 5.16	376.022.490.615		331.151.872.337
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	600.000.000.000		600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	600.000.000.000		600.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(223.977.509.385)		(268.848.127.663)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a	(268.848.127.663)		(303.868.746.888)
- LNST chưa phân phối kì này	421b	44.870.618.278		35.020.619.225
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	557.412.210.257		514.406.340.180
(440 = 300+400)				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân Anh

Đoàn Thị Giao Thuyết

Phạm Hoàng Hiệp



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	627.512.823.414	515.210.692.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		627.512.823.414	515.210.692.367
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	533.545.751.119	429.955.858.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		93.967.072.295	85.254.833.443
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.447.245.999	3.723.282.148
7. Chi phí tài chính	22	6.4	226.901.736	1.394.440.110
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		226.901.736	1.394.440.110
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	2.220.432.835	2.059.266.981
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	50.674.393.092	53.002.199.481
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		44.292.590.631	32.522.209.019
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.373.840.449	4.336.870.192
12. Chi phí khác	32	6.7	1.795.812.802	1.838.459.986
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	578.027.647	2.498.410.206
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		44.870.618.278	35.020.619.225
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		44.870.618.278	35.020.619.225
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	748	584

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Anh

Đoàn Thị Giao Thuyết

Phạm Hoàng Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.870.618.278	35.020.619.225
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		76.623.603.502	71.653.906.687
- Các khoản dự phòng	03		904.638.731	(1.281.228.545)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.296.340.033)	(6.680.640.805)
- Chi phí lãi vay	06		226.901.736	1.394.440.110
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		119.329.422.214	100.107.096.672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.462.583.402)	(16.054.035.432)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		58.508.788	(510.408.521)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.567.067.042	(14.966.480.510)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(98.503.897)	4.409.952.507
- Tiền lãi vay đã trả	14		(232.226.722)	(1.415.079.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.161.684.023	71.571.045.257
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(85.837.112.810)	(14.431.767.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		62.900.018	4.315.486.532
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.225.616.438)	(58.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		43.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.447.245.999	3.723.282.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.552.583.231)	(64.392.999.006)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		832.120.828	700.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.138.510.483)	(30.032.793.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.306.389.655)	(29.332.793.469)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		61.302.711.137	(22.154.747.218)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49.959.745.159	72.114.492.377
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	111.262.456.296	49.959.745.159

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Giao Thuyết

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Hiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn là một Công ty được hình thành thông qua quá trình Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13/01/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 13/01/2025 là 600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng).

Tên Công ty ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON PASSENGER TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: SATRANCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 968 người (tại ngày 31/12/2023 là 875 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất lượng sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất, Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 06 đơn vị kinh doanh, 01 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh và 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Hà Nội bao gồm:

STT	Tên xí nghiệp	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Dịch vụ Sửa chữa Ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí nghiệp Vận tải và Du lịch	592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
3	Trung tâm Sát hạch lái xe Tân Bình	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp SaiGonBus	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
5	Xí nghiệp Vận tải Buýt gồm các đơn vị	
-	Văn phòng Buýt Lạc Long Quân	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
-	Văn phòng buýt Phở Quang	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
-	Văn phòng buýt Phan Văn Trị	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
6	Cửa hàng Xăng dầu	Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
7	Địa điểm kinh doanh	Số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh Hà Nội	Tầng 18, tòa nhà CEO Tower, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán Cổ phần hóa

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ 19/08/2016. Tuy nhiên, tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền về quyết toán Cổ phần hoá và biên bản bàn giao sang Công ty cổ phần.

Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần của Công ty theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần. Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Công ty. Các điều chỉnh có liên quan nếu có, sẽ được Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích Cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tại thời điểm ngày 30/6/2015. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Dụng cụ quản lý	05 - 20
Tài sản cố định khác	05 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 07 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa xác định thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ- UBND ngày 25/12/2015 của ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện Cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo gốc vay, thời gian và lãi suất hợp đồng vay.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

- Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật căn cứ Thông tư 65/2014/TT - BGTVT ngày 10/11/2014 về việc ban hành định mức khung Kinh tế - Kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước liên quan đến hoạt động cho thuê mặt bằng.

Hàng năm, Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với sản lượng xăng thực tế bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu vận chuyển thực tế theo hợp đồng đặt hàng và doanh thu trợ giá.

Doanh thu vận chuyển thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Doanh thu/chuyển x Tổng số chuyến thực tế.

Doanh thu trợ giá đang được ghi nhận theo chênh lệch của chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng trừ đi doanh thu vận chuyển trên hợp đồng đặt hàng.

Doanh thu/chuyển = Doanh thu bình quân/hành khách (Đơn giá theo hợp đồng đặt hàng) x Số lượng hành khách/chuyến thực tế.

Chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Chi phí/chuyển (Đơn giá theo hợp đồng đặt hàng) x Tổng số chuyến thực tế.

Chi phí/chuyển = Chi phí/chuyển tính theo đơn giá nhiên liệu theo quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 28/6/2020 có điều chỉnh giá nhiên liệu, tiền lương trừ chi phí khấu hao (đối với tuyến sử dụng xe trên 10 năm) và chi phí tiếp viên/chuyến (đối với tuyến không bố trí tiếp viên).

Số lượng hành khách/chuyến và tổng số chuyến thực tế căn cứ theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện mỗi tháng với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng.

Doanh thu bình quân/hành khách và Chi phí/chuyến tạm tính theo hợp đồng đặt hàng hàng năm với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng và sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên vốn cổ phiếu

Lãi cơ bản trên vốn cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	474.126.709	644.429.166
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.788.329.587	4.315.315.993
Các khoản tương đương tiền (i)	97.000.000.000	45.000.000.000
Tổng	111.262.456.296	49.959.745.159

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng với lãi suất từ 4% - 4,5%/năm.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.725.616.438	20.725.616.438	58.500.000.000	58.500.000.000
Tổng	20.725.616.438	20.725.616.438	58.500.000.000	58.500.000.000

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4% đến 4,8%/năm. Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất đang bảo đảm cho hoạt động kinh doanh lãi hành quốc tế.
- Khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3 với số tiền 15.225.616.438 VND đang đảm bảo để thế chấp cho các khoản vay.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng (i)	36.615.406.831	17.735.985.152
Công ty TNHH GB Hà Nội (ii)	6.180.000.000	6.180.000.000
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	1.626.101.564	7.123.678.000
Các khách hàng khác	13.820.673.543	12.464.563.635
Tổng	58.242.181.938	43.504.226.787

Trong đó: Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)

4.073.834.792 3.943.958.292

- (i) Các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt và vé tập, khoản phải thu này mới quyết toán đến hết năm 2013 và các năm 2017, 2018, 2019. Ngoài ra các hợp đồng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.
- (ii) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng 4 xe ô tô cho Công ty TNHH GB Hà Nội đang có tranh chấp (chi tiết tại Thuyết minh số 7.2).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	4.539.642.020	(31.300.900)	4.408.722.291	(31.300.900)
Ký cược, ký quỹ	2.525.859.004	(139.920.000)	5.266.646.124	(139.920.000)
Phải thu Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng - Tiền phạt mất chuyển (i)	6.484.700.000	-	6.484.700.000	-
Phải thu Ngân sách Nhà nước - Dự án 39 Hải Thượng Lãn Ông tiền lãi hỗ trợ (ii)	9.018.758.070	-	9.018.758.070	-
Các khoản hỗ trợ lãi vay đầu tư xe bus của ngân sách nhà nước	12.806.559	-	933.087.018	-
Phải thu về quỹ lương chi vượt trong giai đoạn là Công ty TNHH MTV (iii)	4.606.921.103	(4.606.921.103)	4.606.921.103	(4.606.921.103)
Phải thu khác	926.449.677	-	540.350.709	-
Tổng	28.115.136.433	(4.778.142.003)	31.259.185.315	(4.778.142.003)

(i) Đây là khoản phạt mất chuyển được giảm và phải thu lại của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Ngày 05/9/2024, Công ty có gửi Công văn số 1297/XKSG-DH về việc đề nghị phản hồi chính thức việc giải quyết việc xử lý phạt không thực hiện chuyển 2015-2016 đến Sở Giao thông vận tải và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Hiện tại, Công ty vẫn đang chờ phản hồi chính thức từ các cơ quan Quản lý nêu trên để xử lý.

(ii) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán dự án “Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của Công ty” (dự án sử dụng ngân sách Nhà nước) được duyệt theo quyết định số 3064/QĐ-UBND.TPHCM ngày 14/6/2016 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty sẽ thực hiện đánh giá khi có Quyết định chính thức từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

(iii) Đây là khoản Công ty đã chi vượt quỹ lương trong giai đoạn là Công ty TNHH MTV (trước thời điểm Cổ phần hóa ngày 19/8/2016). Ban Điều hành và Quản lý của Công ty đã đánh giá và Quyết định trích lập dự phòng trong năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Nợ xấu

31/12/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.324.205.399	(5.302.546.066)	21.659.333		5.277.806.733	(5.277.806.733)	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn Bay	243.025.000	(243.025.000)	-	Lớn hơn 3 năm	243.025.000	(243.025.000)	-
Angkor Caravan Trading & Investment Co.,Ltd	139.920.000	(139.920.000)	-	Lớn hơn 3 năm	139.920.000	(139.920.000)	-
Tiền lương chi vượt giai đoạn là Công ty TNHH MTV	4.606.921.103	(4.606.921.103)	-	Lớn hơn 3 năm	4.606.921.103	(4.606.921.103)	-
Các đối tượng khác	334.339.296	(312.679.963)	21.659.333	Lớn hơn 3 năm	287.940.630	(287.940.630)	-
Tổng	5.324.205.399	(5.302.546.066)	21.659.333		5.277.806.733	(5.277.806.733)	-

5.6 Hàng tồn kho

31/12/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng		
Nguyên liệu, vật liệu	4.114.937.658	-		3.320.775.723	-		
Công cụ, dụng cụ	32.949.668	-		47.476.270	-		
Hàng hóa	334.290.524	-		1.172.434.645	-		
Hàng gửi bán	953.421.310	-		953.421.310	-		
Tổng	5.435.599.160	-		5.494.107.948	-		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	189.664.059	173.655.248
Chi phí bảo hiểm xe	134.401.459	90.659.420
Các chi phí trả trước khác	55.262.600	82.995.828
Dài hạn	10.005.777.807	10.853.012.721
Lợi thế kinh doanh (i)	959.747.655	1.550.361.591
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (ii)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí cải tạo văn phòng, bãi xe	-	79.578.310
Chi phí máy móc, công cụ quản lý	72.426.254	162.846.254
Chi phí khác	28.640.685	115.263.353
Tổng	10.195.441.866	11.026.667.969

- (i) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện Cổ phần hóa Công ty theo các quy định về Cổ phần hóa của Nhà nước và được phân bổ 10 năm kể từ thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 19/8/2016.
- (ii) Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện Cổ phần hóa Công ty. Khi ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiến hành phân bổ giá trị tiền thuê đất trên theo thời gian thuê thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hai Thượng Lân Ông, phường 11, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2024	127.260.259.921	5.258.002.548	774.510.738.816	11.512.348.767	3.019.245.976	921.560.596.028	
Tăng trong năm	-	594.953.733	84.860.412.810	3.119.824.720	766.700.000	89.341.891.263	
Mua trong năm	-	-	84.860.412.810	210.000.000	766.700.000	85.837.112.810	
Phân loại lại	-	594.953.733	-	2.909.824.720	-	3.504.778.453	
Giảm trong năm	(2.223.140.964)	-	(2.357.052.962)	-	(3.504.778.453)	(8.084.972.379)	
Thanh lý nhượng bán	(2.223.140.964)	-	(2.357.052.962)	-	-	(4.580.193.926)	
Phân loại lại	-	-	-	-	(3.504.778.453)	(3.504.778.453)	
Số dư tại ngày 31/12/2024	125.037.118.957	5.852.956.281	857.014.098.664	14.632.173.487	281.167.523	1.002.817.514.912	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2024	72.732.680.589	4.332.998.958	516.312.098.239	11.408.341.774	1.306.680.510	606.092.800.070	
Tăng trong năm	4.025.103.267	489.875.060	71.662.003.062	1.244.372.013	10.058.631	77.431.412.033	
Khấu hao trong năm	4.025.103.267	248.969.720	71.662.003.062	449.705.735	10.058.631	76.395.840.415	
Phân loại lại	-	240.905.340	-	794.666.278	-	1.035.571.618	
Giảm trong năm	(2.072.234.998)	-	(2.357.052.962)	-	(1.035.571.618)	(5.464.859.578)	
Thanh lý tài sản	(2.072.234.998)	-	(2.357.052.962)	-	-	(4.429.287.960)	
Phân loại lại	-	-	-	-	(1.035.571.618)	(1.035.571.618)	
Số dư tại ngày 31/12/2024	74.685.548.858	4.822.874.018	585.617.048.339	12.652.713.787	281.167.523	678.059.352.525	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2024	54.527.579.332	925.003.590	258.198.640.577	104.006.993	1.712.565.466	315.467.795.958	
Tại ngày 31/12/2024	50.351.570.099	1.030.082.263	271.397.050.325	1.979.459.700	-	324.758.162.387	

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 130.578.126.327 VND (tại ngày 31/12/2023 là 131.690.343.483 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cầm cố, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 24.536.841.084 VND (tại ngày 31/12/2023 là 79.398.555.154 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.779.541.250	2.779.541.250
Tăng trong năm	929.730.000	929.730.000
Mua trong năm	929.730.000	929.730.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	3.709.271.250	3.709.271.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.668.765.108	1.668.765.108
Tăng trong năm	227.763.087	227.763.087
Khấu hao trong năm	227.763.087	227.763.087
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	1.896.528.195	1.896.528.195
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	1.110.776.142	1.110.776.142
Tại ngày 31/12/2024	1.812.743.055	1.812.743.055

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án bãi xe cao tầng số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh (i)	664.083.636	664.083.636
Tổng	664.083.636	664.083.636

- (i) Dự án đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ quy hoạch. Khi nhận được phản hồi của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 11, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	70.418.124.569	70.418.124.569	84.576.391.297	84.576.391.297
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai	25.765.411.473	25.765.411.473	26.384.086.746	26.384.086.746
Chi nhánh Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xi nghiệp Cơ Khí Ô Tô An Lạc	7.959.501.114	7.959.501.114	8.429.826.815	8.429.826.815
Phải trả các đối tượng khác	26.087.552.360	26.087.552.360	38.265.525.639	38.265.525.639
b) Dài hạn				
Chi nhánh Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xi nghiệp Cơ Khí Ô Tô An Lạc	10.605.659.622	10.605.659.622	11.496.952.097	11.496.952.097
	34.900.000.000	34.900.000.000	26.410.000.000	26.410.000.000
	34.900.000.000	34.900.000.000	26.410.000.000	26.410.000.000
Tổng	105.318.124.569	105.318.124.569	110.986.391.297	110.986.391.297

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chỉ tiết tại thuyết minh số 7.3)

61.168.178.422	61.168.178.422	64.888.303.723	64.888.303.723
----------------	----------------	----------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 11, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024 (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp				
Thuế GTGT	4.247.240.838	14.558.757.108	15.053.841.411	3.752.156.535
Thuế tài nguyên	837.968.218	3.301.111.380	3.796.195.683	342.883.915
Thuế thu nhập cá nhân	456.320	5.387.520	5.387.520	456.320
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.991.880.852	1.991.880.852	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	9.250.377.356	9.250.377.356	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	3.408.816.300	10.000.000	10.000.000	3.408.816.300
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.913.657.578	881.176.265	-	1.032.481.313
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	960.116.433	-	-	960.116.433
Tiền thuê đất nộp thừa	76.420.734	4.055.854	-	72.364.880
	877.120.411	877.120.411	-	-

(i) Số phải trả được ghi nhận theo Báo cáo Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước khi thực hiện Cổ phần hóa và sẽ được nộp vào Ngân sách Nhà nước khi Công ty nhận được khoản tiền thanh toán số còn lại về quyết toán vốn ngân sách đầu tư “Dự án xây dựng văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn” từ Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 5.4).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND (Trình bày lại)
Chi phí lãi vay	-	5.324.986
Chi phí tiền thuê đất chưa ký hợp đồng, trong đó :	24.196.222.916	21.739.346.234
<i>Số 171, Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh (i)</i>	3.969.796.549	9.851.848.239
<i>Số 500, Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, TP Hồ Chí Minh (ii)</i>	6.561.378.275	2.587.152.480
<i>Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh (ii)</i>	1.180.590.228	930.568.500
<i>Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP Hồ Chí Minh (ii)</i>	12.484.457.864	8.369.777.015
Tổng	24.196.222.916	21.744.671.220

(i) Công ty đang tạm trích trước Chi phí tiền thuê đất do chưa nhận được thông báo tính tiền thuê đất tính đến ngày 19/8/2021. Hiện tại, Công ty đã có các văn bản gửi Cơ quan ban ngành có liên quan để tính toán và xác định lại tiền thuê đất trước giai đoạn trên.

(ii) Công ty đang tạm trích trước Chi phí tiền thuê đất các địa điểm trên do Công ty chưa nhận thông báo tiền thuê đất của Cơ quan nhà nước Có thẩm quyền. Hiện tại, Ban Điều hành Công ty đã có các văn bản gửi các Sở ban ngành có liên quan để thực hiện ký hợp đồng và tính tiền thuê đất để nộp cho Nhà nước. Công ty đang tạm tính Chi phí tiền thuê đất dựa trên đơn giá đất, hệ số điều chỉnh đơn giá đất, tỷ lệ tiền thuê đất của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành và các văn bản quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có liên quan và giá trị này có thể thay đổi khi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chính thức.

5.14 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	1.463.405.531	1.558.383.773
Kinh phí công đoàn	104.912.600	89.765.760
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	854.197.760	1.074.742.016
Các khoản phải trả, phải nộp khác	504.295.171	393.875.997
Dài hạn	2.697.289.700	1.445.527.460
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.697.289.700	1.445.527.460
Tổng	4.160.695.231	3.003.911.233

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 11, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Trong năm				01/01/2024
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng
	Giá trị	trả nợ			
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	2.766.820.828	12.138.510.483	9.371.689.655
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP . Hồ Chí Minh	-	-	-	1.607.689.655	1.607.689.655
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	-	-	1.934.700.000	9.698.700.000	7.764.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	-	-	832.120.828	832.120.828	-
Vay dài hạn	-	-	-	1.934.700.000	1.934.700.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	-	-	-	1.934.700.000	1.934.700.000
Tổng	-	-	2.766.820.828	14.073.210.483	11.306.389.655

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	600.000.000.000	(303.868.746.888)	296.131.253.112
Lãi trong năm trước	-	35.020.619.225	35.020.619.225
Số dư tại ngày 31/12/2023	600.000.000.000	(268.848.127.663)	331.151.872.337
Số dư tại ngày 01/01/2024	600.000.000.000	(268.848.127.663)	331.151.872.337
Lãi trong năm nay	-	44.870.618.278	44.870.618.278
Số dư tại ngày 31/12/2024	600.000.000.000	(223.977.509.385)	376.022.490.615

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	49,0%	29.400.000	294.000.000.000	49,0%	29.400.000	294.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	24,0%	14.427.400	144.274.000.000	24,0%	14.427.400	144.274.000.000
Ông Phạm Anh Hưng	15,0%	9.000.000	90.000.000.000	15,0%	9.000.000	90.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	7,5%	4.500.000	45.000.000.000	7,5%	4.500.000	45.000.000.000
Các cổ đông khác	4,5%	2.672.600	26.726.000.000	4,5%	2.672.600	26.726.000.000
Tổng	100%	60.000.000	600.000.000.000	100%	60.000.000	600.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	600.000.000.000	600.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	600.000.000.000	600.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	70.324.305.125	61.619.964.309
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	557.188.518.289	453.590.728.058
Tổng	627.512.823.414	515.210.692.367
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i> (Chi tiết xem thuyết minh 7.3)	<i>8.115.560.468</i>	<i>6.679.477.596</i>

(i) Công ty ghi nhận Doanh thu trợ giá buýt từ Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng theo đơn giá quy định tại hợp đồng đặt hàng số 140/HĐ-TT, 141/HĐ-TT, 142/HĐ-TT ngày 06/6/2024, 417/HĐ-TT ngày 29/12/2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Doanh thu trợ giá mới quyết toán đến năm 2013 và các năm 2017, 2018, 2019. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	67.449.369.109	59.846.013.753
Giá vốn cung cấp dịch vụ	466.096.382.010	370.109.845.171
Tổng	533.545.751.119	429.955.858.924

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.447.245.999	3.723.282.148
Tổng	3.447.245.999	3.723.282.148

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	226.901.736	1.394.440.110
Tổng	226.901.736	1.394.440.110

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	1.320.391.501	1.087.643.525
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.342.666	148.291.139
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.838.584	126.790.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.860.084	696.542.114
Tổng	2.220.432.835	2.059.266.981

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.565.270.081	11.534.069.283
Chi phí vật liệu quản lý	274.714.811	172.067.537
Chi phí đồ dùng văn phòng	713.731.885	619.562.814
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.560.059.963	2.788.566.360
Thuế phí và lệ phí	27.753.474.546	28.543.403.972
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	24.739.333	4.606.921.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.702.402.473	4.606.978.412
Chi phí bằng tiền khác	80.000.000	130.630.000
Tổng	50.674.393.092	53.002.199.481

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	2.373.840.449	4.336.870.192
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	62.900.018	2.846.930.859
Tiền điện, nước cho thuê tài sản	1.897.136.735	1.125.101.511
Các khoản khác	413.803.696	364.837.822
Chi phí khác	1.795.812.802	1.838.459.986
Tiền điện nước thu cho thuê tài sản	1.087.120.195	973.290.516
Phân bổ lợi thế kinh doanh	590.613.936	590.613.936
Chậm nộp thuế, lãi chậm nộp tiền thuê đất	16.129.876	10.403.393
Các khoản khác	101.948.795	264.152.141
Lợi nhuận khác	578.027.647	2.498.410.206

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.870.618.278	35.020.619.225
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	810.639.884	5.359.558.697
Các khoản chi không được trừ	810.639.884	5.359.558.697
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.681.258.162	40.380.177.922
Các khoản lỗ được kết chuyển	(45.681.258.162)	(40.380.177.922)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.870.618.278	35.020.619.225
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.870.618.278	35.020.619.225
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm(cổ phiếu)	60.000.000	60.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	748	584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.802.953.997	119.887.295.615
Chi phí nhân công	170.545.540.751	142.151.777.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.623.603.502	71.653.906.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.440.196.308	58.179.377.178
Chi phí khác bằng tiền	27.833.474.546	28.692.033.972
Tổng	498.245.769.104	420.564.390.530

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết

Căn cứ vào các hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	9.217.402.831	9.217.402.831
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	4.994.519.040	4.994.519.040
Trên 5 năm	45.783.091.200	47.031.720.960
Tổng	59.995.013.071	61.243.642.831

Chi tiết các khoản thanh toán nêu trên bao gồm:

Tổng số tiền thuê 774,2 m² đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 1.612.800 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 3744/HĐ-STNMT-QLĐ thời hạn 50 năm tính từ ngày 19/8/2016.

Tổng tiền thuê 27.476,9 m² đất tại 01 Phạm Hồng Thái, phường 02, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.311,8 m² đất là đất thương mại, dịch vụ, cửa hàng mua bán và diện tích 712,8 m² là đất trạm nạp khí, trạm xăng dầu với giá thuê lần lượt là 1.182.104 VND/m²/năm và 671.933 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 10134/HĐ-STNMT-QLĐ ký ngày 22/10/2018.

Tổng tiền thuê 6.879,5 m² đất tại 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 255 m² đất là đất thương mại, dịch vụ và diện tích 6.624,5 m² là đất bến bãi đậu xe buýt với giá thuê lần lượt là 1.544.928 VND/m²/năm và 658.627 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 3743/HĐ-STNMT-QLĐ ký ngày 19/5/2019.

7.2 Thông tin về kiện tụng tranh chấp hợp đồng

7.2.1 Theo Quyết định số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 03/3/2023 của Tòa án Nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 15/3/2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán xe ô tô do Công ty là nguyên đơn. Theo quyết định này, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy các Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố Hà Nội đã cấp cho Công ty TNHH GB Hà Nội gồm 04 xe mang biển số 29B.60317; 29B 60514; 29B60611; 29B60539.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin về kiện tụng tranh chấp hợp đồng (Tiếp theo)

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 124 khoản 2, Điều 407 Bộ luật Dân sự: Tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp tài sản; Hợp đồng đăng ký giao dịch bảo đảm đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi với biển số: 29B.60317; 29B 60514; 29B60611; 29B60539.

- Tuyên xử chấm dứt Hợp đồng mua bán xe ô tô số 751/HĐMB-SGB-GB-2015 ký ngày 11/5/2015 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 09/3/2016 giữa Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty TNHH GB Hà Nội đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 do các bên chưa thanh toán giao nhận tiền, tài sản chưa được các bên giao nhận.

- Công nhận quyền sở hữu 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 thuộc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tiếp tục thực hiện quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/7/2024 Công ty đã nhận được giấy triệu tập của Thẩm phán Tòa Án nhân dân Huyện Sóc Sơn để giải quyết vụ Án. Ngày 30/9/2024, Công ty nộp tiền tạm ứng Chi phí tố tụng xem xét, thẩm định và định giá tài sản và xác minh địa Chỉ của GB của Tòa Án nhân dân Huyện Sóc Sơn.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Tòa án đang trong quá trình thụ lý hồ sơ, Công ty chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án nên chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (có thể có) đối với vụ việc nêu trên trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

7.2.2 Tại ngày 20/11/2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Thủ Đức đã thụ lý hồ sơ số 472/2023/TLST-KDTM giữa Công ty và Công ty Cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 405/XKDG-PVS ký ngày 26/3/2018 do Công ty là nguyên đơn. Theo quyết định này, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa Công ty và Công ty Cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam theo hợp đồng Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 405/XKDG-PVS ký ngày 26/3/2018.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết quyền và nghĩa vụ liên quan đến các khoản công nợ Công ty đang ghi nhận đến ngày 15/03/2023 với Công ty Cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam như sau: Phải trả nhà cung cấp với số tiền là 837.114.162 VND, người mua trả tiền trước với số tiền là 1.058.621.080 VND, nhận ký quỹ, ký cược dài hạn với số tiền là 500.000.000 VND.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Tòa án đang trong quá trình thụ lý hồ sơ, Công ty chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án nên chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (có thể có) đối với Công ty Cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn
Ông Phạm Anh Hưng	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Văn Thành	Cổ đông lớn
Các Công ty, Chi nhánh có cùng Cổ đông lớn	Cùng Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	176.000.000	96.000.000
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	132.000.000	72.000.000
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	192.000.000	72.000.000
Ông Trần Long	Thành viên	132.000.000	72.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	132.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	132.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	132.000.000	72.000.000
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thư ký Hội đồng Quản trị	99.800.000	60.000.000
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Người phụ trách quản trị	75.800.000	27.000.000
Tổng		1.203.600.000	615.000.000

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban	370.000.000	300.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Nguyên Thành viên	20.000.000	60.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Nguyên Thành viên	20.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Tố Như	Thành viên	70.000.000	-
Bà Trần Kim Tuyền	Thành viên	70.000.000	-
Tổng		550.000.000	420.000.000

Lương và các lợi ích khác Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc	948.500.000	771.500.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	731.000.000	631.500.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	731.000.000	631.500.000
Ông Nhim Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc	731.000.000	631.500.000
Ông Bùi Đức Thọ	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	270.500.000
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Kế toán trưởng kiêm người phụ trách quản trị	658.500.000	561.500.000
Tổng		3.800.000.000	3.498.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng và thuê dịch vụ				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa dịch vụ	683.144.168	431.845.321
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc	Chi nhánh của Cổ đông lớn	Mua tài sản cố định Dịch vụ sửa chữa bán phụ tùng	67.129.629.641 1.269.855.100	868.488.778 -
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	Chi nhánh của Cổ đông lớn	Mua tài sản cố định Mua hàng hóa dịch vụ	848.556.684 39.685.380	940.495.909 42.046.527
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Cổ đông lớn	Thuê dịch vụ bến bãi, cước phí vận chuyển	483.582.579	426.538.406
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Công ty cùng Cổ đông lớn	Thuê dịch vụ bến bãi	216.117.048	210.434.701
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty cùng Cổ đông lớn	Thuê dịch vụ bến bãi	398.526.900	390.849.707
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Cổ đông lớn	Mua hàng hóa dịch vụ	716.950	7.277.900
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	Mua hàng hóa dịch vụ	16.535.000	51.287.600
Công ty TNHH New City Rental	Công ty cùng Cổ đông lớn	Mua hàng hóa dịch vụ	317.044.445	310.545.455
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	Mua hàng hóa dịch vụ	302.906.997	288.000.000
Tổng			71.706.300.892	3.967.810.304

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	7.440.860.949	777.515.203
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	-	10.909.091
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xi Nghiệp Cơ khí ô tô An Lạc	Chi nhánh của Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	-	939.876.094
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xi nghiệp Cơ khí ô tô chuyên dùng An Lạc	Chi nhánh của Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	2.777.778	461.867.845
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xi nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô	Chi nhánh của Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	-	630.233.333
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xi Nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành	Chi nhánh của Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	-	87.888.889
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	4.629.630	16.096.418
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	650.792.111	3.419.121.632
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	16.500.000	335.969.091
Tổng			8.115.560.468	6.679.477.596

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 11, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông lớn	-	95.292.692
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	4.073.834.792	3.848.665.600
Tổng		4.073.834.792	3.943.958.292
Phải thu khác			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông lớn	123.823.000	123.823.000
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty cùng Cổ đông lớn	78.096.000	78.096.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Công ty cùng Cổ đông lớn	19.658.000	19.658.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Cổ đông lớn	42.513.000	42.513.000
Công ty TNHH New City Rental	Công ty cùng Cổ đông lớn	25.000.000	25.000.000
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	24.000.000	24.000.000
Tổng		313.090.000	313.090.000
Phải trả người bán ngắn hạn			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông lớn	26.268.178.422	38.478.303.723
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc Chi nhánh của Cổ đông lớn	Cổ đông lớn	62.871.255	65.028.255
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty cùng Cổ đông lớn	26.087.552.360	38.265.525.639
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Công ty cùng Cổ đông lớn	-	36.644.637
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Cổ đông lớn	-	17.716.680
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	46.054.687	39.546.192
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Cổ đông lớn	25.920.000	25.920.000
Công ty TNHH New City Rental	Công ty cùng Cổ đông lớn	18.780.120	922.320
Phải trả người bán dài hạn			
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc Chi nhánh của Cổ đông lớn	Công ty cùng Cổ đông lớn	27.000.000	27.000.000
Tổng		34.900.000.000	26.410.000.000
		34.900.000.000	26.410.000.000
Tổng		61.168.178.422	64.888.303.723

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Năm 2024, Ban Điều hành và Quản lý Công ty đã quyết định điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 với nội dung phân loại tiền thuê đất đang theo dõi ở Chi tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sang Chi tiêu Chi phí phải trả, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	MS	Số dư tại 01/01/2024 (Đã trình bày) VND	Số dư tại 01/01/2024 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Tài sản				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	1.036.537.167	1.913.657.578	877.120.411
Cộng thay đổi Tài sản				877.120.411
Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.041.806.971	4.247.240.838	(15.794.566.133)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.072.984.676	21.744.671.220	16.671.686.544
Cộng thay đổi Nguồn vốn				877.120.411

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Giao Thuyết

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Hiệp

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

SaigonBus

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Hoàng Hiệp